

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 08/5/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Quốc- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 919/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 18/5 Kim Đồng, Phường K, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 35, Đoàn Thị Điểm, Phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam Đà Lạt – Công an tỉnh Lâm Đồng.

(Anh Tr có mặt tại phiên tòa, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Văn Tr trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Tr và Chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh tại 18/5 Kim Đồng, Phường 6, Đà Lạt, Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên Anh Tr và con trai Nguyễn Kh vẫn tiếp tục ở nhà bố mẹ đẻ của Anh Tr tại Phường 6, thành phố Đà Lạt để sinh sống. Chị T cùng con gái Nguyễn Hà Bích S ở nhà ngoại tại Phường 4, thành phố Đà Lạt. Hai vợ chồng anh ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay Anh Tr cảm thấy hôn nhân giữa hai vợ chồng đã không thể hàn gắn được, anh không còn tình cảm vợ chồng với Chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T.

- **Về con chung:** Anh Tr xác định anh và Chị T có 02 con chung là tên là Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn Hà Bích S, sinh ngày 21/02/2020. Hiện nay do Chị T đang bị tạm giam, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung tên Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn Hà Bích S, sinh ngày 21/02/2020. Anh không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Tr xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn Chị Trần Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và Anh Tr kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 18/5 Kim Đồng, Phường 6, Đà Lạt, Lâm Đồng. Trong quá trình kết hôn và sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc vì Anh Tr hay đánh đập chị. Nay Anh Tr xin giải quyết ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị T và Anh Tr có 02 con chung là tên là Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn Hà Bích S, sinh ngày 21/02/2020. Hiện nay do Chị T đang bị tạm giam nên chị đồng ý giao hai con cho Anh Tr được quyền chăm sóc, nuôi con đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng Chị T vắng mặt nên việc hòa giải không được.

Tại phiên tòa, Anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với Chị T. Về con chung Anh Tr xác định vợ chồng có 02 con chung là tên là Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn hà Bích s, sinh ngày 21/02/2020, hiện con đang ở với Anh Tr. Khi ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi con thành niên, anh không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Anh Tr xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn thể hiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân cho Anh Tr ly hôn với Chị T; Về con chung: Giao cháu Kh và cháu S cho Anh Tr chăm sóc và nuôi dưỡng, không buộc bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Anh Nguyễn Văn Tr và Chị Trần Thị Hoài T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2014, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, Anh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Chị T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Đà Lạt, Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Chị T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo

quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và Chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Theo Anh Tr trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Theo trình bày của Chị T thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân Anh Tr thường xuyên đánh chị và chị cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng Anh Tr và Chị T đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Tr, xử cho Anh Tr và Chị T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Anh Tr và Chị T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là tên là Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn hà Bích s, sinh ngày 21/02/2020. Khi ly hôn Anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, cả hai con đang ở với Anh Tr, đồng thời con Nguyễn Kh cũng có nguyện vọng được ở với Anh Tr. Chị T hiện nay đang bị giam giữ không có điều kiện để chăm sóc con nên chị cũng đồng ý giao cả hai con cho Anh Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi con thành niên. Do đó, cần giao cả hai con chung tên Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn hà Bích s, sinh ngày 21/02/2020 cho Anh Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con Anh Tr không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Tr và Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Anh Tr và Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn Anh Nguyễn Văn Tr đối với bị đơn Chị Trần Thị Hoài T.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh Nguyễn Văn Tr và Chị Trần Thị Hoài T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là tên là Nguyễn Kh, sinh ngày 27/11/2013; Nguyễn hà Bích s, sinh ngày 21/02/2020 cho Anh Nguyễn Văn Tr có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Anh Tr không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001637 ngày 27/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, Anh Tr đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 4, Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi